

GIỚI THIỆU SÁCH

VĂN HOÁ VIỆT NAM ĐA TỘC NGƯỜI

Tác giả: **Đặng Nghiêm Vạn**
Nxb. Giáo dục, Hà Nội 2007, 934 trang

GS. Đặng Nghiêm Vạn, tác giả cuốn sách, là một nhà dân tộc học. Sự nghiệp của ông trải qua ba giai đoạn: giai đoạn dạy học (1951 - 1967), giai đoạn nghiên cứu dân tộc học (1967 - 1990), giai đoạn nghiên cứu tôn giáo học (1990 - 2000). Dù hoạt động ở ba lĩnh vực khác nhau, nhưng yếu tố theo suốt cuộc đời ông là tộc người và miền núi.

Khi tham gia kháng chiến cứu quốc, ông ở miền núi. Sang Khu học xá Nam Ninh, Trung Quốc, ông phụ trách hai lớp con em dân tộc miền núi. Sau này, khi trở về Việt Nam, ông làm Hiệu phó rồi Hiệu trưởng Trường Sư phạm Miền núi. Bởi thế, ông thông hiểu tâm tư, lối sống, phong tục của con người miền núi. Khi chuyển sang nghiên cứu dân tộc học, nhất là các tộc người miền núi, ông không hề bỏ ngỡ mà đã tổ chức lại những tri thức miền núi của thời kỳ dạy học và soi sáng nó bằng những lý thuyết dân tộc học tiếp thu được ở Liên Xô. Việc ông chuyển từ nghiên cứu dân tộc học sang nghiên cứu tôn giáo không phải là sự tình cờ, ngẫu nhiên. Sự chú ý đến tôn giáo được loé sáng ngay từ khi ở Trường Đại học Lômônôxốp, Mátxcơva, ông được học thầy S.A.Tokarev, nhà dân tộc học Xô viết nổi tiếng, tác giả cuốn *Các hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng*. Ở lĩnh vực tôn giáo học, ông đã mở rộng nghiên cứu từ các hình thức tôn giáo sơ khai đến các tôn giáo nói chung, từ tôn giáo tộc người sang tôn giáo dân tộc. Nhưng cho dù có đi đâu, làm gì, ông cũng không thoát khỏi sự chi phối của ngành dân tộc học. Bởi thế, ông thực chất là một nhà dân tộc học.

Dân tộc Việt Nam, theo GS. Đặng Nghiêm Vạn, vốn hình thành lâu đời trong lịch sử như là sự hội lưu của tất cả các tộc người. Việt Nam có được như ngày nay, mỗi mảnh đất của Tổ quốc đều thấm máu, mồ hôi của 54 dân tộc anh em. Nghiên cứu về Việt Nam, với tư cách là một dân tộc đa tộc người, ông cho rằng cần phải giải quyết ba vấn đề có tính lý luận sau: Thứ nhất, phải phân biệt được giữa *dân tộc* (nation) và *tộc người* (ethnic); Thứ hai, phải thừa nhận tính chất không phổ quát về định nghĩa dân tộc của Stalin; Thứ ba, phải chứng minh được sự tồn tại các dân tộc tiền công nghiệp hay tiền tư bản ở các xã hội Phương Đông, trong đó có Việt Nam. Các vấn đề này đã được nhà dân tộc học Đặng Nghiêm Vạn giải quyết căn bản trong các tác phẩm: *Quan hệ giữa các tộc người trong một quốc gia dân tộc* (1993) và *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam đa tộc người* (2003).

Khi nghiên cứu về văn hoá Việt Nam, với quan niệm chúng ta là con em của 54 tộc người, tác giả mong muốn khắc phục tình trạng chủ nghĩa tộc người, không giản đơn như một số tác giả khi đề cập đến lịch sử, văn hoá, kinh tế Việt Nam, đồng nhất Việt Nam với tộc người Việt, bỏ quên 53 tộc người thiểu số. Chính vì vậy, trong *Văn hoá Việt Nam đa tộc người*, tác giả trình bày khái niệm văn hoá được hiểu dưới góc độ dân tộc học hay nhân học văn hoá, với sự ưu tiên những hiểu biết về văn hoá các tộc người thiểu số. Người đọc sẽ thấy được tính thống nhất và đa dạng của nền văn hoá Việt Nam đa tộc người, thấy được những đóng góp to lớn của văn hoá các tộc người cùng chung sống vào công cuộc xây dựng nên một nền văn hoá của dân tộc Việt Nam.

Nội dung chính của cuốn sách được bố cục thành 5 phần, 22 chương. Phần mở đầu trình bày các khái niệm về văn hoá và văn hoá dân tộc, tộc người theo quan niệm của ngành dân tộc học; Phần thứ nhất, gồm 6 chương: Văn hoá kinh tế; Phần thứ hai, gồm 4 chương: Văn hoá vật chất; Phần thứ ba, gồm 6 chương: Tổ chức xã hội; Phần thứ tư, gồm 6 chương: Văn hoá tinh thần.

Theo GS. Đặng Nghiêm Vạn, hiện nay trên bản đồ địa lý học, tộc người ở Việt Nam còn tìm thấy ba trình độ kế tiếp nhau:

1. Vùng Trường Sơn - Tây Nguyên với các cư dân Môn - Khmer, Nam Đảo, Việt - Mường đang ở giai đoạn manh nha có giai cấp. Các tộc người đó trải dọc Trường Sơn, từ miền núi Quảng Bình đến miền núi các tỉnh Miền Trung và Tây Nguyên cho đến Miền Đông Nam Bộ.

2. Vùng còn tồn tại chế độ thổ ti, lang đạo, phía tạo, thống lí, chủ đất của các cư dân Tây Bắc, tây Thanh Hoá - Nghệ An và vùng dọc biên giới Việt - Trung từ Lào Cai, Hà Giang đến Lạng Sơn hiện đang còn ở giai đoạn kinh tế cổ ngạp.

3. Vùng đồng bằng suốt từ Bắc đến Nam và đại bộ phận các thung lũng miền núi, miền trung du các tỉnh từ châu thổ sông Hồng, sông Thái Bình đến tỉnh Quảng Ninh đang ở tình trạng kinh tế - xã hội phong kiến Phương Đông tiền tư bản.

Trong vùng thứ hai, còn phải phân biệt giữa các cư dân trên rẻo cao, trên sườn núi và dưới thung lũng, ở vùng đồng bằng và trung du. Trong vùng thứ ba, còn phải phân biệt giữa vùng Đông Bắc (bao gồm các tộc người Tày, Nùng, Sán Diu, Sán Chay,...) với các tộc người Khmer Nam Bộ, Chăm, Chơ Ro ở phía Nam; tộc người Hoa (Hán) tập trung ở các đô thị, kể cả hai miền.

Ở cả ba trình độ này đều có thể tìm thấy được vô vàn biểu hiện văn hoá vật thể và phi vật thể. Chính vì vậy, trong cuốn sách, ở mỗi nội dung, tác giả luôn có sự so sánh những nét tương đồng, dị biệt giữa các vùng miền, giữa các tộc người, chẳng hạn như hệ thống thuỷ lợi, kĩ thuật canh tác, ăn, mặc, ngôn ngữ; hoặc cụ thể hơn ở sự phát triển của ba hình thái của chiếc cày, của cái nhà có vì kèo và không có vì kèo,... Trong đời sống tôn giáo các tộc người cũng vậy. Tác giả cho rằng, ở các tộc người Việt Nam đều có mặt các hình thức tôn giáo trên thế giới, từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây. Những dạng thức tôn giáo sơ khai từ totem giáo, ma thuật, saman giáo,... đều phổ biến ở những dạng không còn nguyên vẹn vì các tộc người thiểu số ở Việt Nam hiện nay không phải là các thị tộc, bộ lạc từ thời nguyên sơ. Trải theo thời gian, các tôn giáo độc thần như Công giáo, Tin

Lành, Islam giáo đã thu hút được hơn 6 triệu tín đồ và đang tiếp tục phát triển, nên không thể chối bỏ sự thực là hiện nay ở Việt Nam có đầy đủ các tôn giáo độc thần cũng như đa thần.

Nhưng nếu xét một cách tổng thể, có thể thấy, hệ thống tôn giáo dân tộc tức đạo thờ Tổ tiên (thờ những người đã khuất), hay Đạo Tổ, là đạo chủ yếu và phổ biến nhất của tất cả tộc người ở Việt Nam. Sở dĩ dùng chữ “đạo”, vì theo ông, Việt Nam không có khái niệm tôn giáo theo đúng nghĩa của Phương Tây: thờ một Đấng Tối cao duy nhất. Đạo ở Phương Đông và ở Việt Nam còn vắng bóng các tôn giáo độc thần, vẫn còn là những tôn giáo đa thần. Đạo Tổ có ba cấp độ: 1. Cấp độ Gia đình: thờ cúng Tổ tiên của gia đình và của dòng họ (gia đình mở rộng); 2. Cấp độ Làng bản: thờ cúng Thành hoàng, người bảo trợ cho làng bản; 3. Cấp độ Quốc gia: thờ cúng người có công dựng nước và giữ nước. Ba cấp độ này đều có ở tất cả những tộc người sinh sống trên đất Việt Nam. Về đối tượng của sự thờ cúng, ông lưu ý: Ở Phương Tây chỉ tôn thờ Đức Chúa Trời, còn ở Phương Đông thì tất cả đều là đối tượng thờ cúng: người có công với gia đình thì con cháu thờ, có công với làng thì làng thờ, có công với nước thì nước thờ. Vậy nên, xưa nay ở Châu Âu trọng ngày sinh, ở Châu Á trọng ngày giỗ,... Tính nhân văn của người Việt Nam còn biểu lộ rõ rệt ở việc thờ cả những người chết bất đắc kì tử, những người không được xã hội thừa nhận, không được con cháu thờ cúng.

Có thể coi cuốn *Văn hoá Việt Nam đa tộc người* là sự tổng kết thành tựu nghiên cứu khoa học cả cuộc đời của GS. Đặng Nghiêm Vạn, một trong những nhà dân tộc học đầu ngành của Việt Nam hiện nay./.

Nguyễn Bình

Viện Nghiên cứu Tôn giáo